

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CM  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 49/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trí;
2. Ông Lê Đức Thụy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Thanh Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh Q:*** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, QCT, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020) (có mặt).

***2. Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt);

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Đặng Văn N, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai, ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do là chỗ quen biết nên ngày 20/01/2019 âm (nhằm ngày 24/02/2019 dương) bà Lê Thị Thanh Q có cho bà Nguyễn Thị Mỹ L vay số tiền 120.000.000 đồng. Việc vay có làm biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, mục đích vay để làm vốn sản xuất đồ mộc, lúc vay bà L hứa trả mỗi tháng trả 3.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 20/01/2019 âm. Sau khi vay bà L có trả được 2.500.000 đồng tiền vốn. Đến ngày 24/11/2019 âm (nhằm ngày 19/12/2019 dương) bà L than không có khả năng trả nên gặp bà Q xin trả góp mỗi ngày 30.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà Q đồng ý nên bà L làm lại biên nhận nợ ngày 24/11/2019 âm, theo biên nhận thì bà L nợ bà Q số tiền 120.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả góp cho mỗi ngày 30.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, ông P đại diện theo ủy quyền của bà Q xác định, bà L đã trả cho bà Q đến ngày 28/5/2020 âm tổng cộng số tiền vốn là 11.020.000 đồng còn lại 108.980.000 đồng đến nay chưa trả. Nay, yêu cầu bà L trả cho bà Q số tiền còn thiếu 108.980.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/5/2020 âm (nhằm ngày 19/7/2020 dương) cho đến ngày xét xử, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.020.000 đồng mà bà L đã trả cho bà Q.

Ông Đặng Văn N là chồng của bà L, tuy không trực tiếp giao dịch dân sự với bà Q nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà L vay nợ về để làm mộc phát triển kinh tế gia đình. Do đó yêu cầu ông Ngon có nghĩa vụ liên đới cùng vợ trả nợ cho bà Q.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông về nội dung đơn khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa; các đương sự giữ nguyên ý kiến và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

*\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:*

- Đối với nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh Q ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Văn N, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Q.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới cùng ông Đặng Văn N trả cho bà Lê Thị Thanh Q số tiền 108.980.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 16/11/2020 đến ngày xét xử.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Q đối với số tiền 11.020.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có nơi cư trú: ấp Tấn Quới, xã Tấn Mỹ, huyện CM, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2019, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Văn N đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 108.980.000 đồng, chứng cứ khởi kiện là tờ cam kết ngày 24/11/2019 (ngày 19/12/2019dl). Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do bà L phạm nghĩa vụ trả

nợ như đã thỏa thuận nên bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho bà Q. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc khởi kiện của Q và triệu tập đến tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà không có ý kiến gì về việc Q khởi kiện và vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Q buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh Q số tiền 108.980.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu buộc nghĩa vụ liên đới của nguyên đơn, bà Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L cùng chồng ông Đặng Văn N có trách nhiệm liên đới trả nợ, do bà L vay tiền câu bà để sản xuất đồ mộc phát triển kinh tế gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L, ông Ngon là vợ chồng được chính quyền địa phương xác nhận. Do số tiền vay trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng bà L, ông Ngon cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Q số tiền vay 108.980.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ông P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.020.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là sự tự nguyện của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

[5] Ngoài yêu cầu trả vốn, bà Q yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/7/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc chậm thanh toán ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Q. Do đó, bà Q yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở. Tuy nhiên, tại biên nhận ngày 19/12/2019 không thể hiện mức lãi suất, thời hạn vay nên lãi suất được tính từ ngày khởi kiện là ngày 16/11/2020 theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự. Mặc khác, tại phiên tòa ông P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu về việc tính lãi suất, ông chỉ yêu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận và số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 16/11/2020 đến ngày 29/4/2021 là 164 ngày; số tiền lãi được tính: 108.980.000 đồng x 0,028%/ngày x 164 ngày = 4.964.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên có căn cứ buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh Q số tiền vốn 108.980.000 đồng và tiền lãi 4.964.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 288, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Q và xử như sau:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh Q số tiền vốn 108.980.000 (Một trăm lẻ tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng và lãi 4.964.000 (Bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 113.944.000 (Một trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Q đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Văn N đối với số tiền 11.020.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Văn N phải chịu 5.697.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Lê Thị Thanh Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 11 năm 2020.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Văn Dương**